

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2024/HS-PT
Ngày 29 tháng 10 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tân

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Tấn

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Quan Tuấn Nghĩa, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa xét xử công khai phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 101/2024/TLPT-HS, ngày 02/10/2024 đối với bị cáo Lâm Văn N, do bị cáo có kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2024/HS-ST, ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: Lâm Văn N, sinh ngày 01/01/1988 (tên gọi khác: Lâm Văn T).
Giới tính: Nam; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; trình độ học vấn (văn hóa) 8/12; con ông Lâm Văn Ủ, sinh năm 1957 và bà Lại Thị K, sinh năm: 1965; anh, chị, em ruột: 03 người, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1993; vợ: Trần Thị H; sinh năm 1989; con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

Bị hại không kháng cáo: Bà Mã Thị Đ, sinh ngày 01/01/1985

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bị hại không kháng cáo, không liên quan kháng cáo, nên Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 10/02/2024, Lâm Văn N điện thoại cho chị Mã Thị Đ rủ đi chơi thì chị Đ kêu lại kênh F, ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu đón. Nhớ có mượn chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại wave, màu xanh, biển số kiểm soát 94F1 – 009.31 của bạn tên Quách Văn Ú rồi điều khiển đến nơi đã hẹn đón chị Đ. Khi gặp chị Đ, N chở chị Đ đến chòi vuông tâm của người dân thuộc ấp C, xã N, huyện H để tâm sự. Nhớ đậu xe bên ngoài, do chủ chòi vuông tâm khóa cửa nên Nhớ khoét 01 (một) lỗ vách lá để N và chị Đ chui vào trong chòi. Khi vào chòi vuông N và chị Đ nằm trên giường tâm sự và cả hai có quan hệ tình dục với nhau 03 lần. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, N kêu chị Đ đi về nhưng chị Đ không chịu về. Lúc này, N thấy chị Đ có đeo nhiều sợi dây chuyền trên cổ, do đang thiếu nợ nên N nảy sinh ý định giật dây chuyền của chị Đ để bán lấy tiền trả nợ. Lúc đó, chị Đ đang ngồi trên giường, N đi lại gần chị Đ dùng tay giật 01 (một) sợi dây chuyền trên cổ chị Đ, sợi dây chuyền có xỏ 01 (một) chiếc nhẫn vàng, làm sợi dây chuyền bị đứt. Sau khi giật được sợi dây chuyền N nhanh chóng chui ra ngoài đường lỗ vách, làm rớt chiếc nhẫn bên ngoài ở gần lỗ vách chòi. Khi bị cáo N bất ngờ giật dây chuyền, chị Đồng L lên kêu Nhớ trả lại nhưng N không trả mà nhanh chóng điều khiển xe chạy đi, bỏ lại chị Đ ở chòi vuông. Sau đó, chị Đ đi bộ ra lộ và đi nhờ xe người dân về nhà, rồi đến Công an xã N trình báo sự việc. Sau khi hay tin chị Đ trình báo Công an, Nhớ đến Công an xã N A đầu thú và giao nộp sợi dây chuyền đã giật của chị Đ (đã bị đứt thành 02 đoạn). Vụ việc được Công an xã N chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình khám nghiệm hiện trường Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã thu giữ được 01 (một) chiếc nhẫn bên ngoài chòi vuông gần vị trí lỗ vách lá, nơi N và chị Đ đã chui vào.

Tại bản kết luận số 18/BKL-HĐĐGTS ngày 18/3/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện H kết luận:

- 01 (một) sợi dây kim loại màu vàng, loại dây khoen chữ cong, có chiều dài 26,5cm: là loại vàng 610, có trọng lượng 04 chỉ, 05 phân, 09 ly có giá trị 16.677.000 đồng;

- 01 (một) sợi dây kim loại màu vàng, loại dây khoen chữ cong, có chiều dài 36 cm: là loại vàng 610, có trọng lượng 06 chỉ, 02 phân, 01 ly có giá trị 22.563.000 đồng.

- 01 (một) chiếc nhẫn kim loại màu vàng, có dạng hình trụ tròn cao 1,3cm, đường kính 2,4cm. Mặt ngoài có hình chữ V và nhiều chữ nhỏ (nghĩ là chữ Trung Quốc). Mặt trong có một lớp, trên đó có khắc nhiều chữ vụn liền kề nhau và có in

dòng chữ “PV TD.610, chiếc nhẫn đã qua sử dụng là loại vàng 610, có trọng lượng 02 chỉ, 03 phân, 01 ly có giá trị 8.393.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản 47.633.000 đồng.

Bị cáo thành khẩn khai báo, có ông nội là ông Lâm Văn M là người có công cách mạng, được tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì.

Tại bản án 22/2024/HS-ST, ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu quyết định: Tuyên bố bị cáo Lâm Văn N phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lâm Văn N 02 năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 13/9/2024, bị cáo Lâm Văn N kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo, không nộp thêm tài liệu chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm: Về thời hạn kháng cáo và thủ tục thực hiện quyền kháng cáo của bị cáo đã được thực hiện trong thời hạn và đúng hình thức theo quy định của pháp luật.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân đã xét xử bị cáo về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 02 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa và đề nghị của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Lâm Văn N nộp trong hạn luật định nên được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lâm Văn N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát vì động cơ vụ lợi, vào khoảng 15 giờ ngày 10/02/2024 tại ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, Lâm Văn N có hành vi cướp giật sợi dây chuyền vàng, có xỏ 01 chiếc nhẫn vàng của bà Mã Thị Đ, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 47.633.000 đồng. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo N có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2024/HS-ST, ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu tuyên xử bị cáo 02 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo phạm tội với khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự có mức án từ 01 đến 05 năm tù; trong vụ án này giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 47.000.000 đồng, khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định pháp luật. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết mới nên không có căn cứ giảm nhẹ cho bị cáo.

Như nhận định trên, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, có ý thức xem thường pháp luật, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương, nên cần thiết phải xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tù đủ dài để nhằm giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, mà chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên Bản án sơ thẩm 22/2024/HS-ST, ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lâm Văn N.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2024/HS-ST, ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

2. Tuyên bố bị cáo Lâm Văn N phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lâm Văn N 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lâm Văn N phải nộp án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Phòng HSNV CA tỉnh Bạc Liêu;
- TAND H. Hồng Dân;
- VKSND H. Hồng Dân;
- CQĐT Công an H. Hồng Dân;
- Chi cục THADS H. Hồng Dân;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: HS, THS, THCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Tân